

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG

Định hướng nội dung tuyên truyền kỷ niệm

80 năm Ngày truyền thống Ngành văn hóa (28/8/1945-28/8/2025)

*(Ban hành kèm theo Công văn số /BVHTTDL-VP ngày tháng 8 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

A. LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Trải qua 80 năm xây dựng và phát triển, dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; dưới sự Lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng; sự quản lý, điều hành của Nhà nước, Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) đã đồng hành cùng dân tộc, đi trọn một hành trình vẻ vang và đầy tự hào, phụng sự đất nước, phục vụ nhân dân, vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử phát triển của Ngành VHTTDL có thể chia thành các giai đoạn sau:

1. Giai đoạn trước và sau Cách mạng Tháng Tám

Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin:

Vào đầu những năm 40 của thế kỷ 20, trong rất nhiều công việc quan trọng và cần kíp phải chuẩn bị cho Cuộc tổng khởi nghĩa đánh đổ chế độ phát xít, thực dân phong kiến, lập nên chế độ dân chủ, cộng hòa, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Tổng Bí thư Trường Chinh đã nhận rõ vai trò, đóng góp to lớn và quan trọng của văn hóa. Và đòi hỏi cấp bách lúc này cần phải có một đường lối nhất quán cho hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Trước yêu cầu đó, tháng 02/1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã thông qua Đề cương Văn hóa Việt Nam. Văn kiện nêu rõ ba nguyên tắc vận động văn hóa: dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa; đồng thời khẳng định văn hóa là một mặt trận, người làm văn hóa là chiến sĩ. Đề cương văn hóa năm 1943 được coi là bản tuyên ngôn và cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, đặt nền móng lý luận, định hướng cho sự hình thành và phát triển nền văn hóa Việt Nam mới, nền văn hóa thời đại Hồ Chí Minh.

Tuyên cáo ngày 28/8/1945 của Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong nội các quốc gia Bộ Thông tin, Tuyên truyền được thành lập (sau đó ngày 01/01/1946 đổi tên là Bộ Tuyên truyền và Cổ động) - tiền thân của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày nay. Từ đó, ngày 28/8 hàng năm đã trở thành Ngày Truyền thống của Ngành VHTTDL.

Sau khi Quốc hội Khóa I họp ngày 02/3/1946, thành lập Chính phủ Liên hiệp chính thức thì Bộ Tuyên truyền và Cổ động không còn tồn tại. Đến ngày 13/5/1946, Nha Tổng giám đốc thông tin, tuyên truyền mới được tổ chức dưới quyền chỉ huy và kiểm soát trực tiếp của Bộ Nội vụ, và đến ngày 27/11/1946 đổi thành Nha thông tin. Các cơ quan phụ thuộc có Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, thành lập ngày 7/9/1945.

Ngày 24/11/1946, Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất được triệu tập tại Hà Nội. Hồ Chủ tịch khai mạc Hội nghị, Người chỉ rõ: Văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện Độc lập, Tự cường và Tự chủ. Đây cũng chính là kim chỉ nam xuyên suốt mọi hoạt động của Ngành Văn hóa và Thông tin.

Lĩnh vực Thể dục thể thao:

Sắc lệnh ngày 30/01/1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký, thành lập Nha Thể dục Trung ương trực thuộc Bộ Thanh niên là “*Thực hành thể dục trong toàn quốc*”. Phát động phong trào “*Khỏe vì nước*” thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

2. Giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (19/12/1946 đến tháng 7/1954)

Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin:

Công tác thông tin, tuyên truyền lúc này chiếm vị trí hàng đầu trong năm bước công tác cách mạng với khẩu hiệu của Hồ Chủ tịch tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ II họp vào tháng 7/1948 và Hội nghị cán bộ văn hóa lần thứ I vào tháng 02/1949: “*Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến*”.

Ngày 10/7/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 38/SL sáp nhập Nha Thông tin thuộc Bộ Nội vụ vào Thủ tướng Phủ và Sắc lệnh số 83/SL hợp nhất Nha thông tin thuộc Thủ tướng Phủ và Vụ Văn học, nghệ thuật thuộc Bộ Giáo dục thành Nha Tuyên truyền và Văn nghệ thuộc Thủ tướng Phủ do đồng chí Tố Hữu phụ trách.

Cuộc kháng chiến chống Pháp chín năm diễn ra ác liệt. Song ở đâu có kháng chiến, ở đó có văn hóa kháng chiến. Những “Chiến sĩ trên mặt trận văn hóa” qua các thời kỳ cách mạng đã biết cách tổ chức công tác tuyên truyền thành một nghệ thuật, đồng thời lại biết cách đưa nghệ thuật vào công tác tuyên truyền. Đây là một thành tựu lớn của nền văn hóa - nghệ thuật - thông tin - tuyên truyền của Ngành chúng ta.

Ngày 10/10/1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh 122- Sắc lệnh sát nhập bộ phận nhà in của Nha Tuyên truyền thành lập Nhà in Quốc gia, đơn vị sản xuất đồng thời là cơ quan quản lý hoạt động in ấn của cả nước (tiền thân của Cục Xuất bản, In và Phát hành hiện nay).

Lĩnh vực Thể dục thể thao:

Ngày 30 tháng Giêng năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 14 thiết lập Bộ Thanh niên một Nha thể dục Trung ương thuộc Bộ Thanh niên, tiền thân của ngành Thể dục thể thao ngày nay. Ngày 27/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 38 thiết lập trong Bộ Quốc gia Giáo dục một Nha Thanh niên và Thể dục, gồm có một phòng Thanh niên Trung ương và một Phòng Thể dục Trung ương.

Lĩnh vực Du lịch:

Thành lập Công ty Du lịch Việt Nam (tiền thân của Tổng cục Du lịch) trực thuộc Bộ Ngoại thương (Nghị định số 26/CP ngày 9/7/1960). Ngày 16/3/1963 Bộ Ngoại thương ban hành Quyết định số 164-BNT-TCCB quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Công ty Du lịch Việt Nam.

3. Giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà (1954-1975)

Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin:

*** Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954-1964)**

Bộ Tuyên truyền được Hội đồng Chính phủ thành lập từ trung tuần tháng 8-1954 và được Quốc hội V thông qua ngày 20/5/1955 đổi tên là Bộ Văn hóa, do giáo sư Hoàng Minh Giám làm Bộ trưởng. Giai đoạn này, sự nghiệp văn hóa và thông tin được phát triển toàn diện theo định hướng rõ ràng để đi sâu vào chuyên ngành hoạt động, phát triển có bài bản về nội dung, về đào tạo cán bộ và phương thức hoạt động, tăng cường lực lượng văn hóa, thông tin để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tham gia chiến đấu ở miền Nam.

Có thể nói đây là thời kỳ phát triển cơ bản, toàn diện nhất, xây dựng cơ sở nền văn hóa mới khắp các tỉnh, thành phố miền Bắc.

*** Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại và chi viện miền Nam (1965-1975)**

Giai đoạn này, báo chí, xuất bản đóng vai trò hết sức quan trọng động viên toàn quân, toàn dân chiến đấu chống quân xâm lược. Đặc biệt trong thời kỳ này có hai hoạt động văn hóa, văn nghệ nổi bật đó là phong trào “Tiếng hát át tiếng bom” và “Độc sách có hướng dẫn” đã góp phần giáo dục lòng căm thù sâu sắc của nhân dân đối với bọn xâm lược và bè lũ tay sai, cổ vũ tinh thần yêu nước, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Công tác thông tin trở thành “mũi nhọn” với việc thành lập Tổng cục Thông tin (Quyết định số 165-NQ/TVQH ngày 11/10/1965). Chỉ thị về công tác thông tin trong quần chúng của Ban Bí thư Trung ương Đảng số 118/CT-TW ngày 25/12/1965 đề ra cho công tác thông tin nhiệm vụ nặng nề: “*Phải cổ động thường xuyên bằng các hình thức tuyên truyền nhẹ nhàng, có tính chất quần chúng rộng rãi*” để “*Nhà nhà đều biết, người người đều nghe*”.

*** Miền Nam chống Mỹ, nguy (1954-1975)**

Ở miền Nam, sau khi chuyển quân, tập kết, ngành Văn hóa, Thông tin thực tế không còn tồn tại. Mọi hoạt động phải chuyển vào bí mật, lấy tuyên truyền miệng là phương thức hoạt động chính. Sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam chính thức ra đời ngày 20/12/1960 tại tỉnh Tây Ninh, Ngành Thông tin Văn hóa ở miền Nam nhanh chóng được khôi phục. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập ngày 06/6/1969, đồng chí Lưu Hữu Phước làm Bộ trưởng Bộ Thông tin - Văn hóa. Trải qua bao hy sinh, gian khổ, đất nước đã giành được tự do, độc lập:

Đại thắng mùa xuân 1975 đi vào lịch sử như một thiên anh hùng ca bất diệt; người người nồng nhiệt xuống đường với rừng cờ, biểu ngữ, ảnh Bác Hồ, cất cao tiếng hát “*Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*”.

Giai đoạn củng cố hậu phương lớn, chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc và tất cả cho tiền tuyến lớn miền Nam, tiến lên “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào” là giai đoạn sôi động nhất của ngành Văn hóa và thông tin trong cả nước.

Lĩnh vực Thể dục thể thao:

Ban Thể dục thể thao Trung ương được thành lập năm 1957, đến năm 1960 đổi thành Ủy ban Thể dục thể thao.

Lĩnh vực Du lịch:

Chuyển giao Công ty Du lịch Việt Nam sang Phủ Thủ tướng quản lý (Nghị định 145/CP ngày 18/8/1969 của Hội đồng Chính phủ).

4. Giai đoạn sau Đại thắng mùa xuân 1975 đến trước Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, năm 1986

Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin:

Tháng 6/1976, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thành lập, Chính phủ tổ chức Bộ Văn hóa do Giáo sư Nguyễn Văn Hiếu làm Bộ trưởng.

Năm 1977, Ủy ban phát thanh và truyền hình Việt Nam ra đời. Xưởng phim truyền hình thuộc Tổng cục thông tin đã chuyển từ trước, nay chuyển tiếp phân truyền thanh các tỉnh sang Ủy ban phát thanh và truyền hình. Tổng cục thông tin hợp nhất với Bộ Văn hóa thành Bộ Văn hóa và Thông tin theo Nghị quyết số 99/NQ/QHK6 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, và đến ngày 04/7/1981 đổi lại là Bộ Văn hóa theo Nghị quyết kỳ họp thứ I Quốc hội khóa VII.

Có thể nói thời kỳ 1975-1985, ngành Văn hóa thông tin chuyển từ chiến tranh sang hòa bình, tuy mấy năm đầu có lúng túng, bị động, khó khăn, nhưng đã vượt qua thử thách và phát triển toàn diện với một chất lượng mới trên phạm vi cả nước.

Lĩnh vực Thể dục thể thao:

Phát triển các phong trào thể dục thể thao quần chúng, đặc biệt đẩy mạnh cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

Lĩnh vực Du lịch:

Thành lập Tổng cục Du lịch trực thuộc Hội đồng Chính phủ (Quyết nghị 262NQ/QHK6 ngày 27/6/1978 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Ngày 23/01/1979, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 32/CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Du lịch.

5. Giai đoạn đổi mới (1986 - 2006)

Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin:

Trước yêu cầu đổi mới, Bộ Thông tin được lập lại trên cơ sở giải thể Ủy ban phát thanh và truyền hình và tách các bộ phận quản lý xuất bản, báo chí, thông tin, cổ động, triển lãm của Bộ Văn hóa theo Quyết định số 34 của Bộ Chính trị và Thông cáo ngày 16/02/1986 của Hội đồng Nhà nước để thống nhất quản lý các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng chí Trần Hoàn làm Bộ trưởng Bộ Thông tin. Đồng chí Trần Văn Phác làm Bộ trưởng Bộ Văn hóa.

Ba năm sau (1987-1990), một tổ chức mới được hình thành, hợp nhất 04 cơ quan: Bộ Văn hóa, Bộ Thông tin, Tổng cục Thể dục thể thao, Tổng cục Du lịch thành Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch theo Quyết định số 244 NQ/HĐNN8 ngày 31/3/1990 do đồng chí Trần Hoàn làm Bộ trưởng.

Vừa hợp lại xong đã thấy không hợp lý nên mỗi năm lại tách dần một bộ phận: Du lịch sáp nhập vào Bộ Thương mại và Du lịch (Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VIII ngày 12/8/1991). Ngày 26/10/1992, thành lập Tổng cục Du lịch là cơ quan thuộc Chính phủ (Nghị định số 05-CP). Sau khi tách Du lịch, lại đến Thể dục thể thao, Phát thanh truyền hình thành các ngành trực thuộc Chính phủ.

Năm 1993, Bộ Văn hóa - Thông tin trở lại như trước đây, với chức năng, nhiệm vụ như Nghị định số 81-CP ngày 08/4/1994 của Chính phủ quy định. Việc liên tục tách ra nhập vào như trên đã ảnh hưởng về nhiều mặt hoạt động của Ngành. Rất may là thấy trước vấn đề này, nên với phương châm chỉ đạo “Giữ nguyên trạng, bộ phận nào làm việc nấy, không xáo trộn cả người và kinh phí” nên mọi công việc được tiến hành bình thường. Trong hai năm 1994 - 1995, ngành Văn hóa - Thông tin đã tập trung mọi cố gắng phục vụ các ngày lễ lớn của dân tộc. Đây là sự khôi phục và phát triển các hoạt động văn hóa, thông tin chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp của toàn xã hội theo phương hướng đúng đắn mà Nghị quyết Trung ương lần thứ 4 của Đảng đã đề ra.

Năm 1998, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” được ban hành, mở ra một thời kỳ mới cho sự nghiệp văn hóa Việt Nam. Bám sát 5 quan điểm chỉ đạo cơ bản, 10 nhiệm vụ cụ thể và 4 giải pháp chủ yếu để tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới, toàn Ngành đã phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, tiếp tục khẳng định những thành tựu trong quá trình đổi mới.

Năm 2000, năm bản lề chuyển giao thiên niên kỷ đã đánh dấu bước phát triển vượt bậc của ngành Văn hóa - Thông tin. Nhiều hoạt động văn hóa - thông tin kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng và dân tộc được tổ chức; bộ mặt văn hóa nước nhà khởi sắc, chuyển biến đồng đều, tích cực theo hướng mà Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đề ra.

Từ năm 2006, ngành Văn hóa - Thông tin chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 (khóa VIII), Kết luận Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo đảm “sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển

kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội” (Văn kiện Đại hội Đảng X).

Lĩnh vực Thể dục thể thao:

Năm 2000, thể thao tiếp tục con đường hội nhập quốc tế và chinh phục các đỉnh cao thành tích mới, tham dự Olympic mùa hè lần thứ 27 tại Sydney. Năm 2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 57/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao đến năm 2010.

Lĩnh vực Du lịch:

Ngày 15/8/1987, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 120-HĐBT quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Tổng cục Du lịch.

Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VIII ngày 12/8/1991 sáp nhập Tổng cục Du lịch vào Bộ Thương mại và Du lịch.

Ngày 26/10/1992, Chính phủ ra Nghị định số 05-CP thành lập Tổng cục Du lịch là cơ quan thuộc Chính phủ.

6. Giai đoạn năm 2007 đến nay

Ngày 31/7/2007 lại đánh dấu một bước ngoặt lớn của Ngành: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thành lập, thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực (Nghị quyết số: 01/2007/QH12) trên cơ sở sáp nhập Tổng cục Du lịch, Ủy ban Thể dục thể thao; tiếp nhận phần quản lý nhà nước về gia đình từ Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Từ ngày 01/3/2025, Bộ tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, truyền thông từ Bộ Thông tin và Truyền thông.

B. KHÁI QUÁT MỘT SỐ THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG 80 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Giai đoạn từ 1945 - 1954

Sau khi *Đề cương về Văn hóa Việt Nam* năm 1943 được ra đời, sự nghiệp cách mạng văn hóa dân tộc đã thực sự bước vào giai đoạn lịch sử, trở thành một bộ phận hữu cơ, đồng hành và phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc giành độc lập tự do. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, văn hóa trở thành vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng, góp phần hiệu triệu, đoàn kết toàn dân đứng lên giành độc lập năm 1945 với cuộc cách mạng Tháng Tám, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc. Khí thế cách mạng của những năm tháng hào hùng ấy còn lưu dấu mãi trong âm hưởng các ca khúc: *Tiến quân ca* (Văn Cao), *Diệt phát xít* (*Nguyễn Đình Thi*), *Mười chín tháng Tám* - Xuân Oanh... Sau khi nước nhà độc lập, công tác tuyên truyền, cổ động giúp tái thiết đất nước, xóa nạn mù chữ, mở mang dân trí. Và, ngay trong giai đoạn cực kỳ cam go của cuộc kháng chiến chống Pháp, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh “văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-

1954), với phương châm “kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”, công tác báo chí, thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh; các loại hình văn nghệ như ca khúc cách mạng, thơ ca, kịch nói... ra đời mạnh mẽ, cổ vũ tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu của quân và dân ta. Trong Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951, Bác Hồ đã khẳng định: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.” Thực hiện lời căn dặn của Người, những người làm công tác văn hóa đã chẳng quản gian khó, hy sinh, truyền lửa sức mạnh tinh thần, góp phần chung vào thắng lợi của dân tộc với chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng năm châu, chấn động địa cầu.

2. Giai đoạn từ 1954 - 1975

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 -1975), văn hóa Việt Nam với đỉnh cao là các tác phẩm văn học, nghệ thuật sôi nổi phản ánh cuộc sống chiến đấu, lao động sản xuất ở miền Bắc và ý chí quật cường đấu tranh của đồng bào miền Nam. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc dần được định hình, với sự phát triển của các thiết chế văn hóa như thư viện, bảo tàng, rạp chiếu bóng, nhà hát... phục vụ nhân dân, xây dựng con người mới XHCN. Dù trong chiến tranh, vẫn có sự giao lưu, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa thế giới, nhất là khối các nước XHCN, làm phong phú thêm đời sống văn hóa dân tộc. Chi viện cho chiến trường miền Nam, các văn nghệ sĩ, nhà báo - chiến sĩ lên đường với khí thế hào hùng “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai” (Tố Hữu, **Theo chân Bác**). Các phong trào “tiếng hát át tiếng bom”, những trang viết, lời ca bám sát hơi thở của cuộc sống của các văn nghệ sĩ đã thôi thúc quân và dân ta giành thắng lợi, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước với đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Có thể nói, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ , văn hóa, thông tin thực sự là một vũ khí tinh thần sắc bén, góp phần khơi dậy lòng yêu nước nồng nàn, hun đúc ý chí đấu tranh kiên cường và xây dựng niềm tin mãnh liệt vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng. Lực lượng văn nghệ sĩ, báo chí cách mạng đã hòa mình vào thực tiễn chiến đấu, “lấy bút làm gươm”, “lấy nghệ thuật làm vũ khí”. Các văn nghệ sĩ, nhà báo thực sự trở thành những “chiến sĩ trên mặt trận văn hóa - tư tưởng”, trực tiếp tham gia chiến đấu hoặc sáng tác để cổ vũ tinh thần kháng chiến. Thơ ca, âm nhạc, kịch, hội họa, điện ảnh, báo chí... mang đậm hơi thở cuộc sống chiến đấu, phản ánh ý chí kiên cường, lòng dũng cảm và niềm tin vào thắng lợi.

Sự trưởng thành của ngành Văn hóa trong giai đoạn này thể hiện bản lĩnh chính trị, sự kiên cường, linh hoạt, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Không chỉ là công cụ tuyên truyền, đấu tranh, văn hóa còn thực sự là một nguồn sức mạnh nội sinh mạnh mẽ, cổ vũ, thôi thúc quân và dân ta đánh thắng giặc ngoại xâm, thống nhất đất nước. Nhiều văn nghệ sĩ, nhà báo, nhà quay phim đã ngã xuống trên các chiến trường để lại cho chúng ta những trang viết, tác phẩm, thước phim tư liệu vô giá. Máu của họ đã tô thắm truyền thống yêu nước hào hùng của dân tộc ta và ngành Văn hóa.

Có thể khẳng định, văn hóa Việt Nam đã góp phần to lớn cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ viết nên những bản trường ca vĩ đại của dân tộc trong thế kỷ 20. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV nhận định: *“Văn học, nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay”*.

3. Giai đoạn từ 1975 - 1986

Sau khi đất nước thống nhất năm 1975, Bắc - Nam sum họp một nhà, văn hóa tiếp tục giữ vai trò nền tảng tinh thần của dân tộc, đi đầu trong hàn gắn vết thương chiến tranh, thúc đẩy tinh thần đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế; truyền đi tinh thần lạc quan, bảo vệ và làm mới những giá trị cốt lõi, tạo thành sợi dây kết nối quá khứ, hiện tại và tương lai. Dự báo và định hướng những vấn đề bất cập của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp để mở đường cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước dưới sự Lãnh đạo của Đảng.

Đảng vẫn luôn coi trọng công tác lý luận trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ để định hướng hoạt động thực tiễn. Các luận điểm lớn về xây dựng nền văn hóa mới được thể hiện rõ trong văn kiện Đại hội IV và V của Đảng với quan điểm xuyên suốt văn hóa, văn nghệ là bộ phận hữu cơ của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chủ trương xây dựng nền văn hóa mới gắn với việc hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa được triển khai đồng bộ.

Toàn ngành đã tập trung phát triển đời sống văn hóa cơ sở, mở rộng phong trào văn hóa quần chúng; xây dựng thiết chế văn hóa từ trung ương đến địa phương, ban hành pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích. Thành tựu văn hóa, văn nghệ giai đoạn này khá toàn diện: văn học có nhiều sáng tác mới phản ánh cả niềm vui và trần trụi hậu chiến; sân khấu, âm nhạc, điện ảnh phát triển với nhiều tác phẩm tiêu biểu; báo chí, xuất bản được thống nhất và mở rộng; phong trào thể dục thể thao, hoạt động mỹ thuật, tranh cổ động... đều phục vụ tích cực nhiệm vụ chính trị và đời sống nhân dân.

Tựu chung lại, trong 10 năm sau thống nhất, mặc dù còn nhiều thách thức, lĩnh vực văn hóa Việt Nam đã chuyển từ văn hóa kháng chiến sang văn hóa kiến quốc, đạt bước phát triển mới, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và bồi đắp nền tảng tinh thần của đất nước.

4. Giai đoạn từ 1986 đến nay

Một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển văn hóa Việt Nam diễn ra vào năm 1986, khi Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước. Văn hóa Việt Nam tiếp tục giữ vai trò đặc biệt quan trọng, luôn tiên phong đi trước mở đường, định hướng dư luận cho các cải cách táo bạo về kinh tế, xã hội, góp phần thúc đẩy xây dựng Nhà nước pháp quyền và xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; xây dựng một nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc, đồng thời không ngừng tiếp thu tinh hoa nhân loại, để tự làm mới mình trong dòng chảy thời đại.

Cùng với việc chuyển nền kinh tế từ quan liêu bao cấp, sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, công

tác quản lý văn hóa cũng đã có những thay đổi để phù hợp với tình hình mới. Xã hội hóa văn hóa đã góp phần giải quyết những khó khăn cho các hoạt động văn hóa, nhất là việc kêu gọi các nguồn lực tu bổ di tích, xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từng bước đồng bộ qua các năm từ Trung ương tới cơ sở.

Tiếp sau *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991) xác định: “Xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Theo đó, nhiều nghị quyết của Trung ương Đảng đã thể hiện sự quan tâm, coi trọng phát triển văn hóa. Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII, 1998) - nghị quyết chuyên đề về văn hóa đầu tiên của Đảng, khẳng định rõ: Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết số 23-NQ/TW (Khóa X, 2008) định hướng đổi mới, nâng cao hoạt động văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới, xác định văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tể của văn hóa, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam. Nghị quyết số 33-NQ/TW (Khóa XI, 2014) nhấn mạnh: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Các nghị quyết trên là những định hướng quan trọng để đẩy mạnh xây dựng và phát triển mạnh mẽ nền văn hóa dân tộc.

Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng được tổ chức ngày 24/01/2021 - Hội nghị đầu tiên sau 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946 - đã tạo sự lan tỏa, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển đất nước trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn...” .Theo đó, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh cần phải coi văn hóa ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội.

Có thể khẳng định, Ngành Văn hóa 80 năm qua đã viết nên bản trường ca rực rỡ - nơi bản sắc Việt Nam được hội tụ, kết tinh và tỏa sáng. Văn hóa trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, là sức mạnh nội sinh, động lực phát triển bền vững; văn hóa cùng với thông tin, thể thao, du lịch luôn đồng hành với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Với tuyên ngôn hành động: “*Văn hóa là nền tảng - Thông tin là mạch dẫn - Thể thao là sức mạnh - Du lịch là nhịp cầu kết nối*”, Ngành Văn hóa ngày càng khẳng định được vị thế, uy tín của mình trong tiến trình phát triển của đất nước. Văn hóa theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp đã và đang vươn mình phát triển mạnh mẽ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để đạt được những thành tựu to lớn, góp phần làm nên 80 mùa thu cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam ngàn năm văn hiến và anh hùng.

Với những thành tựu và đóng góp to lớn trong suốt chặng đường 80 năm xây dựng và phát triển, Ngành đã vinh dự được Đảng, Nhà nước ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý như Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, cùng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý khác đã được các cấp, các ngành từ trung ương tới cơ sở trao tặng cho hàng ngàn tập thể và cá nhân.

C. THÀNH TỰU VÀ DẤU ẤN TIÊU BIỂU TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2026

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, sâu sát, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, kế thừa những kết quả đạt được của nhiệm kỳ 2016-2021; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL) đã bám sát và triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026, Kết luận của nguyên Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021, chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm; Nghị quyết tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ; với tinh thần **“3 Quyết tâm, 4 Chủ động, 5 Hiệu quả”**; tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 với rất nhiều chính sách mới, khơi thông nguồn lực, kiến tạo cho văn hóa, thể thao và du lịch phát triển nhanh và bền vững.

“Đường lớn đã mở, đi tới tương lai”, Ngành văn hóa, thể thao và du lịch cả nước đã đoàn kết, năng động, sáng tạo, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Bộ VHTTDL đã chủ động triển khai các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa với mục tiêu sẽ tạo ra diện mạo mới cho đời sống văn hóa cơ sở, kiến tạo các quan hệ hợp tác lành mạnh, phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân... trong nhiệm kỳ Chính phủ 2021-2026, Bộ VHTTDL đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật, là điểm sáng của nền kinh tế.

1. Công tác hoàn thiện thể chế, xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Công tác xây dựng và ban hành văn bản

Nhiệm kỳ 2021-2026, toàn ngành đã quyết liệt thay đổi tư duy từ “làm văn hóa sang quản lý nhà nước về văn hóa” thông qua công cụ pháp luật, Bộ đã chủ động rà soát, nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện thể chế, chính sách, xử lý nhiều “điểm nghẽn, khoảng trống về mặt pháp lý”, thúc đẩy phát triển theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Theo đó, Bộ VHTTDL chủ trì xây dựng ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, hoàn thiện **124** văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có **05** Luật, **31** Nghị định của Chính phủ, **01** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, **88** Thông tư, Thông tư liên tịch. Tính đến nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực do Bộ VHTTDL quản lý đã tương đối hoàn chỉnh với **435** văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có **15** Luật, **75** Nghị định, **43** văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ, **302** Thông tư, Thông tư liên tịch của Bộ trưởng. Hàng năm, Bộ

VHTTDL đều thực hiện các hoạt động kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, là khâu quan trọng trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để hoàn thiện hệ thống pháp luật. Các hoạt động rà soát góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của tổ chức, cá nhân; khắc phục những sơ hở, bất cập, điểm nghẽn của hệ thống pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ; rà soát để thực hiện chủ trương của Đảng trong việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước. Nhiệm kỳ 2021-2026, Bộ VHTTDL đã thực hiện rà soát **2.439** văn bản quy phạm pháp luật, theo đó đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc xử lý hiệu lực **199** văn bản quy phạm pháp luật. Đây là minh chứng cho tầm nhìn chiến lược, giúp văn hóa Việt Nam hội tụ bản sắc và tỏa sáng trong thời đại mới.

1.2. Cải cách hành chính

Thực hiện Chương trình tổng thể về cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ VHTTDL đã xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, từ đó xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm với đầy đủ **07** nội dung với quyết tâm cải cách hành chính theo các yêu cầu, nhiệm vụ của Chính phủ. Bộ VHTTDL đã xây dựng và ban hành **282** văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, trong đó có **53** Quyết định của Bộ trưởng; **04** Thông báo kết luận; **225** văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính. Bộ VHTTDL đã công bố đầy đủ Danh mục TTHC, quy trình nội bộ thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa và Danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng dịch vụ công cấp Bộ; thực hiện quy trình điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (**119** thủ tục), một phần (**63** thủ tục); công khai **100%** TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ trên Cổng dịch vụ công quốc gia. **100%** hồ sơ TTHC được giải quyết đúng thời hạn quy định. Giải đáp kịp thời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về các quy định hành chính, TTHC.

2. Về Văn hóa, gia đình

Công tác văn hóa, gia đình đạt nhiều thành tựu vượt bậc. Đặc biệt là kết quả triển khai xây dựng môi trường văn hóa trên mọi địa bàn, mọi lĩnh vực, mọi không gian, thời gian chưa bao giờ được xem trọng như thời gian qua. Nhiều mô hình xây dựng môi trường văn hóa gắn với phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” trong gia đình, dòng họ, làng xã, khu dân cư, tổ dân phố, cơ quan báo chí, doanh nghiệp, doanh nhân được hình thành, phát triển và lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng; đã và đang hình thành hệ sinh thái văn hóa thống nhất trong đa dạng, cùng hội tụ và tỏa sáng những giá trị nhân văn, cốt lõi của dân tộc. Cụ thể:

2.1. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Bộ VHTTDL đã tham mưu, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành **01** Luật; trình Chính phủ ban hành **02** Nghị định và Thủ tướng Chính phủ ban hành **02** Chương trình và **01** Quyết định; Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành theo thẩm quyền **04** Thông tư. Đề nghị UNESCO công nhận **01** Di sản Thiên nhiên Thế giới Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà (trong số **08** di sản thế giới). Đã có **01** di sản tư liệu thế giới và **03** di sản tư liệu được ghi danh là di sản tư liệu Khu vực châu Á - Thái Bình Dương

trong tổng số **11** di sản tư liệu được Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO ghi danh (**04** di sản tư liệu thế giới và **07** di sản tư liệu Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương). Trình Thủ tướng Chính phủ xếp hạng **25** di tích quốc gia đặc biệt (trong tổng số **144** di tích). Quyết định xếp hạng **110** di tích quốc gia (trong tổng số **3.661** di tích). Cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ học tại **194** địa điểm. Nhiều di tích sau khi tu bổ, tôn tạo đã được chính quyền các cấp cùng với cộng đồng nơi có di tích quản lý và phát huy giá trị hiệu quả, đã trở thành những sản phẩm văn hóa đặc thù, tạo ra những điểm, tuyến du lịch hấp dẫn, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển ngành kinh tế mũi nhọn du lịch, góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, tạo công ăn việc làm ổn định cho hàng vạn lao động tại địa bàn có di sản. Tính đến tháng 5/2025 đã có khoảng gần **70.000** di sản văn hóa phi vật thể của 63 tỉnh, thành phố được kiểm kê. Quyết định đưa **271** di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (trong tổng số **635** di sản). Hệ thống bảo tàng Việt Nam hiện có **204** bảo tàng, trong đó **127** bảo tàng công lập, **78** bảo tàng ngoài công lập, đang lưu giữ, phát huy giá trị trên **4 triệu** hiện vật. Bộ VHTTDL đã trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận công nhận **112** bảo vật quốc gia (trong tổng số **327** hiện vật, nhóm hiện vật là bảo vật quốc gia).

Có thể nói, hệ thống di sản văn hóa Việt Nam chưa bao giờ được thế giới biết đến sâu rộng như thời gian qua. Di sản không chỉ là ký ức của quá khứ mà còn là câu nói tương lai, thu hút du khách, tạo việc làm, lan tỏa bản sắc Việt. Sự kết hợp giữa giá trị truyền thống và sáng tạo hiện đại đang đưa văn hóa Việt Nam vươn tầm thế giới.

2.2. Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện

Báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội thông qua: Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022; xem xét, thông qua dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo. Trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Chỉ thị, 02 Quyết định. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được vận hành có hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về lễ hội được tăng cường; việc thanh tra, kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi tổ chức lễ hội được đẩy mạnh. Tổ chức gần 100 sự kiện văn hóa tại các khu vực và toàn quốc. Công tác xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam được triển khai lồng ghép trong việc xây dựng, thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; các phong trào xây dựng con người mới với các chuẩn mực cụ thể của từng ngành, từng địa phương được triển khai, cụ thể hóa 5 đức tính cơ bản của con người Việt Nam thành những chuẩn mực, đặc trưng phù hợp với từng ngành, từng địa phương. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã thực sự đi vào cuộc sống, lan tỏa vào từng lĩnh vực trong xã hội.

Công tác gia đình được quan tâm, chú trọng, các tỉnh/thành tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền thông qua hình thức văn hóa, văn nghệ. Thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. 34/34 tỉnh, thành đã triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; Các mô hình về gia đình và PCBLGD tiếp tục được duy trì và nhân rộng.

Hoạt động thư viện Việt Nam nói chung và hệ thống thư viện công cộng nói

riêng đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, hoàn thành một số chỉ tiêu, kế hoạch ngành đặt ra. Các thư viện đã đạt được những thành tựu trong công tác giữ gìn di sản văn hóa thành văn của dân tộc; phát triển vốn tài liệu của thư viện, triển khai một số dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu sử dụng sách báo ngày càng cao của cộng đồng. Nhờ đó, chất lượng phục vụ trong và ngoài thư viện đã được nâng cao, góp phần quan trọng trong việc xây dựng phong trào và hình thành thói quen đọc 2 sách báo trong nhân dân. Hoạt động thư viện ngày càng đi vào chiều sâu, bám sát, phục vụ đắc lực, thiết thực, có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được các cấp lãnh đạo địa phương, các ngành đánh giá cao, xã hội thừa nhận và ủng hộ. Mạng lưới thư viện trong cả nước được kiện toàn và phát triển, cơ sở vật chất, trang thiết bị thư viện từng bước hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người sử dụng”.

2.3. Văn hóa các dân tộc Việt Nam

Ban hành **01** Thông tư và các Đề án để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số như: Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2030”, Đề án “Tổ chức định kỳ ngày hội, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc theo khu vực và toàn quốc đến năm 2035”, Đề án “Bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2030”... So với giai đoạn 2016-2021, giai đoạn 2021-2026, Bộ VHTTDL đã tăng cường ban hành văn bản và các Đề án nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số. Các Chương trình mục tiêu quốc gia cũng được đẩy mạnh triển khai thực hiện. Thực hiện Dự án Chuyển đổi số nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam, tạo môi trường giáo dục, tra cứu văn hóa và phát triển du lịch tại Làng VHDL các dân tộc Việt Nam.

2.4. Điện ảnh

Báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội ban hành Luật Điện ảnh năm 2022. Trình Chính phủ ban hành **02** Nghị định. Bộ trưởng ban hành **07** Thông tư và **06** Quyết định. Tổ chức hiệu quả các tuần phim, đợt phim kỷ niệm các Ngày lễ lớn của đất nước. Tổ kiểm tra phim trên không gian mạng của Bộ đã kiểm tra nội dung mức phân loại **197** phim (**1.413** tập phim). Tuyển chọn đề cương kịch bản và đặt hàng sản xuất **22** chương trình phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng kế hoạch đặt hàng sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước và tài trợ phổ biến phim, phân bổ ngân sách đặt hàng sản xuất phim theo kế hoạch giai đoạn 2021-2026. Một số phim đã đạt được những giải thưởng¹. Tiếp nhận **646** thông báo Danh sách phim sẽ phổ biến và kết quả

¹ như: “*Cơn giông*” được Bằng khen của Ban Giám khảo Hội điện ảnh Việt Nam (2021), đạt Giải B của Hội điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh (2021), Giải Ba Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh năm lần thứ Ba (2018-2022); “*Hồng hà nữ sĩ*” (đề tài lịch sử) được bằng khen của Hội Điện ảnh Việt Nam. Diễn viên Anh Đào được nhận giải nữ diễn viên triển vọng hạng mục điện ảnh của Giải Cánh diều (2024); “*Phơi sáng*” đạt Giải C, Hội Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh (2024); “*Đào, Phở và Piano*” (đề tài chiến tranh cách mạng) đạt giải Bronze Sen Bạc tại Liên hoan

phân loại phim của các doanh nghiệp, tổ chức phổ biến phim trên không gian mạng; đã tiếp nhận **489** hồ sơ và đã số hóa **455** hồ sơ. Tổ chức thành công các kỳ liên hoan phim đáp ứng được tiêu chí của ngành điện ảnh. Việt Nam đã tham gia Mạng lưới Phát triển Điện ảnh châu Á (NETPAC) và Hiệp hội Sản xuất phim châu Á - Thái Bình Dương (FPA), Mạng lưới Ủy ban Điện ảnh châu Á (AFCNet)...

2.5. Nghệ thuật biểu diễn và văn học

Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Xây dựng Kế hoạch của Chính phủ, của Bộ triển khai thực hiện Kết luận số 84-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Ban hành **02** Thông tư. Tổ chức **33** Chương trình nghệ thuật. Tổ chức thành công các cuộc thi và liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp trong nước và quốc tế: Cuộc thi Tài năng Xiếc toàn quốc; Liên hoan Kịch nói toàn quốc; Liên hoan Ca Múa Nhạc toàn quốc; Liên hoan Tuồng và Dân ca kịch toàn quốc; Liên hoan Chèo toàn quốc; Liên hoan Cải lương toàn quốc; Liên hoan Xiếc quốc tế; Liên hoan Âm nhạc ASEAN”, “Cuộc thi Âm nhạc Mùa thu - 2023”; “Cuộc thi hát Thính phòng - Nhạc kịch - Hợp xướng toàn quốc - 2023” tại Hà Nội.

2.6. Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm

Ban hành **01** Thông tư; Quy hoạch về xây dựng công trình tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tổ chức các đợt đi sáng tác giúp các nghệ sĩ tiếp cận với các sự kiện, các vấn đề lớn của đất nước; tạo điều kiện để các họa sĩ, nhà điêu khắc công bố tác phẩm thông qua các cuộc thi và triển lãm. Nhiếp ảnh đã dần tiếp cận với những thành tựu mới của khoa học công nghệ, những xu hướng mới của thế giới và phục vụ hiệu quả đời sống của Nhân dân cũng như đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Hàng năm cả nước có khoảng hơn **1.000** cuộc triển lãm về mỹ thuật, nhiếp ảnh. Các hoạt động triển lãm, tổ chức trại sáng tác, giao lưu mỹ thuật, nhiếp ảnh diễn ra rộng khắp, với nhiều quy mô đã góp phần tích cực vào việc giới thiệu nghệ thuật và văn hóa đất nước con người Việt Nam ra thế giới, góp phần tăng cường hiểu biết lẫn nhau và quan hệ hữu nghị giữa nghệ sĩ các nước.

2.7. Bản quyền tác giả và công nghiệp văn hóa

Bộ VHTTDL tham mưu xây dựng nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (phần QTG, QLQ); trình Chính phủ ban hành **01** Nghị định. Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành theo thẩm quyền **02** Thông tư. Tổ chức **50** hội nghị, hội thảo, tập huấn cho các cơ quan quản lý, thực thi... Hiện nay, có **6** tổ chức đại diện tập thể trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan được thành lập và hoạt động. Giai đoạn 2021-2026, Việt Nam đã gia nhập **03** điều ước quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan và gia hạn **01** Điều ước quốc tế. Việt Nam đã tham gia đàm phán

các nội dung về quyền tác giả, quyền liên quan tại **03** Hiệp định Thương mại tự do (FTA). Cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan từ 01/01/2021 đến 08/5/2025 đã cấp **46.724** Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.

Công nghiệp văn hóa đang trở thành xu hướng và được xác định là phần quan trọng, bền vững, đóng góp vào sự tăng trưởng của đất nước. Giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đóng góp ước bình quân đạt **1,059** triệu tỷ đồng (**44** tỷ USD). Bình quân 5 năm tốc độ tăng trưởng về số lượng các cơ sở kinh tế hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa ước đạt **7,2%/năm**. Lực lượng lao động thuộc các ngành công nghiệp văn hóa tăng khá nhanh, bình quân 5 năm lao động tăng **7,4%/năm**.

Giai đoạn vừa qua, công nghiệp văn hóa có khởi sắc rõ rệt, vừa góp phần đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hóa, nghệ thuật của người dân, vừa đóng góp thực chất cho tăng trưởng kinh tế của đất nước. Nhiều chính sách quan trọng về phát triển công nghiệp văn hóa được ban hành. Ngành công nghiệp giải trí, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, phát thanh truyền hình, trò chơi điện tử... phát triển nhanh, đóng góp gần 4,4% GDP. Bảo vệ quyền tác giả được tăng cường, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của văn hóa Việt trên thị trường quốc tế.

2.8. Công tác Đối ngoại và Hội nhập quốc tế

Công tác văn hoá đối ngoại và hội nhập quốc tế là điểm sáng với nhiều kết quả nổi bật, chuyển mạnh từ “giao lưu” sang “hợp tác đích thực” thể hiện ở sự phát triển vượt bậc với 54 văn kiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được ký kết trong 5 năm qua, làm cơ sở pháp lý để thiết lập và mở rộng hợp tác văn hóa, thể thao và du lịch với các nước, thẩm định và tham mưu lãnh đạo Bộ cho phép các đơn vị ký 80 văn bản hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài. Xây dựng và trình Bộ Chính trị Đề án “Quốc tế hóa văn hóa, bản sắc dân tộc và dân tộc hóa tinh hoa văn hóa Thế giới”. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TTg ngày 10/9/2021 về đẩy mạnh triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2030 và 03 Đề án về Việt Nam tham gia EXPO Dubai 2020, Việt Nam tham gia EXPO Osaka 2025 và Đề án về phát triển thành phố sáng tạo tham gia mạng lưới thành phố sáng tạo của UNESCO; theo đó đã tổ chức 27 Tuần Văn hóa Việt Nam, Lễ hội văn hóa Việt Nam tại nước ngoài nhân dịp kỷ niệm năm tròn, năm chấn thiết lập quan hệ ngoại giao đối với các nước đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đóng góp tích cực vào kết quả các chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, gửi thông điệp hữu nghị, hòa bình, góp phần quảng bá hình ảnh quốc gia, xúc tiến du lịch, đầu tư, thương mại... Nhà Triển lãm Việt Nam tại Triển lãm Thế giới EXPO 2020 (1/10/2021-31/3/2022) đạt “Giải đồng về Diễn giải chủ đề” và “Giải nhất Giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại”; Hỗ trợ Hội An, Đà Lạt trở thành Thành phố sáng tạo của UNESCO... Chủ động hội nhập sâu rộng tại các cơ chế quốc tế về văn hóa, giữ 6 vị trí ở các cơ quan then chốt ở UNESCO, góp phần gia tăng sức mạnh mềm quốc gia. Đây là những tiền đề quan trọng để chủ động, tạo đột phá trong hội nhập quốc tế, tự tin bước vào kỷ nguyên mới.

3. Thể dục, thể thao

Bộ VHTTDL đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **01** Chiến lược, **01** Quy hoạch, **01** Đề án; Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành **09** Thông tư; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị và trình Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới.

Có nhiều chuyển biến rõ rệt, theo hướng đẩy mạnh phát triển TDTT trong từng đối tượng, đặc biệt là học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, nông dân, người cao tuổi. Phong trào tập luyện TDTT cho mọi người diễn ra sôi nổi trong cả nước, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, số lượng người tập thể dục, thể thao thường xuyên, số câu lạc bộ TDTT ngày càng tăng. Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục được đẩy mạnh, tạo thành phong trào rèn luyện TDTT sôi nổi trong Nhân dân. Các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian được khôi phục, luật hóa đưa vào thi đấu tại các lễ hội truyền thống. Phong trào TDTT người khuyết tật tiếp tục được quan tâm và giành được nhiều thành tích cao tại trường quốc tế: Tại *Paralympic Tokyo năm 2021* giành được **01 huy chương bạc tại Đại hội**; ASEAN Para Games 11 năm 2022 tại Indonesia giành được **65 HCV, 62 HCB, 56 HCD**, xếp thứ **03/11** đoàn và lập **16** kỷ lục; ASEAN Para Games 12 năm 2023 tại Campuchia, giành được **66 HCV, 59 HCB, 78 HCD**, xếp thứ **3** toàn đoàn; ASIAN Para Games 4 tại Trung Quốc giành được **01 HCV, 10 HCB, 09 HCD**, xếp thứ **22/44** đoàn tham dự Đại hội.

Với việc chú trọng tới đầu tư phát triển các môn thể thao Olympic, thể thao thành tích cao tiếp tục đạt được nhiều tiến bộ hơn so với thời gian trước, kết quả thi đấu của các môn thể thao trọng điểm, có thế mạnh tại các kỳ Đại hội thể thao và các giải thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới đã có sự khởi sắc rõ rệt², Thể thao Việt Nam liên tục xếp hạng trong **3** quốc gia dẫn đầu tại các kỳ SEA Games. Một số vận động viên ở các môn thể thao Olympic như: Bắn súng, Thể dục dụng cụ, Bơi lội, Cử tạ, Cầu lông... đạt trình độ hàng đầu châu Á và thế giới. Đặc biệt, trong giai đoạn này, Bóng đá Việt Nam tiếp tục có nhiều khởi sắc, lần đầu tiên đội tuyển Futsal nữ giành chức vô địch Đông Nam Á năm 2024, đội tuyển Bóng đá nữ giành quyền tham dự World Cup nữ 2023. Việt Nam đã đăng cai tổ chức thành công SEA Games 31 năm 2022 trong bối cảnh ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp đối với bạn bè quốc tế. Tổ chức thành công Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN lần thứ 15 (SOMS 15), ASEAN + Nhật Bản, ASEAN + Trung Quốc...

Có thể nói, Thể thao Việt Nam là biểu tượng của ý chí vượt khó, khát vọng

² **Năm 2021**, do đại dịch COVID-19, các sự kiện thể thao quốc tế bị hoãn hủy nên TTVN giành được thành tích khá khiêm tốn (giành được 38 HCV, 15 HCB và 14 HCD (trong đó có 05 HCV, 08 HCB, 05 HCD thế giới, 05 HCV, 01 HCB, 03 HCD châu Á và 28 HCV, 06 HCB, 06 HCD giải quốc tế mở rộng); **Năm 2022**, TTVN giành được 477 HCV, 351 HCB, 376 HCD (53 HCV, 44 HCB, 83 HCD thế giới; 106 HCV, 95 HCB, 90 HCD châu Á; 303 HCV, 207 HCB, 194 HCD Đông Nam Á; 15 HCV, 05 HCB, 09 HCD các giải quốc tế khác); **Năm 2023**, TTVN giành được 571 HCV, 404 HCB, 454 HCD (trong đó 68 HCV, 47 HCB, 45 HCD thế giới; 92 HCV, 82 HCB, 117 HCD châu Á; 393 HCV, 261 HCB, 273 HCD Đông Nam Á; 18 HCV, 14 HCB, 19 HCD các giải quốc tế khác). **Năm 2024**, TTVN giành được 542 HCV, 406 HCB, 417 HCD (Trong đó giải thế giới: 116 HCV, 79 HCB, 78 HCD; châu Á: 69 HCV, 78 HCB, 95 HCD; Đông Nam Á: 328 HCV, 225 HCB, 219 HCD; các giải quốc tế khác: 29 HCV, 24HCB, 25HCD).

vươn mình của dân tộc. Những tấm huy chương cao quý tại các đấu trường SEA Games, Asiad hay Olympic đã làm rạng danh đất nước. Phong trào thể thao quần chúng, từ marathon đến bóng đá phong trào, lan tỏa tinh thần “khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” theo gương Bác Hồ vĩ đại. Thể thao không chỉ nâng cao sức khỏe mà còn là nguồn cảm hứng, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, góp phần làm nên những chiến công rực rỡ của công cuộc đổi mới đất nước.

4. Du lịch

Trình Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành: **02** Nghị định, **01** Nghị quyết, **02** Quyết định, **01** Chỉ thị, **03** Công điện; ban hành **04** Thông tư; tổ chức **03** hội nghị toàn quốc, **01** sự kiện quốc tế. Bộ VHTTDL ban hành nhiều văn bản, đề án về thúc đẩy phát triển du lịch³.

Giai đoạn 2021-2024, du lịch Việt Nam đón **33,7** triệu lượt khách quốc tế, phục vụ **359,5** triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt **2.193** nghìn tỷ đồng. Năm 2025, ngành Du lịch đặt mục tiêu đón được **22 - 23** triệu khách quốc tế, phục vụ **120 - 130** triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng **980 - 1.050** nghìn tỷ đồng. Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ **4-5** sao tăng cao hơn hạng **1-3** sao. Tính đến hết 2024, cả nước có **44.612** cơ sở lưu trú du lịch, trong đó có **283** khách sạn 5 sao với **99.393** buồng, **359** khách sạn 4 sao với **49.704** buồng. Đến ngày 19/5/2025, cả nước có **4.319** doanh nghiệp lữ hành quốc tế, trong đó có **1.323** công ty cổ phần, **2.990** công ty TNHH và **06** doanh nghiệp tư nhân; có **43.574** thẻ hướng dẫn viên đã được cấp.

Về tổng thể, từ khi WEF công bố Chỉ số TTCI⁴ (nay là TTDI⁵), Việt Nam đã cải thiện đáng kể năng lực cạnh tranh phát triển du lịch, tăng **28** bậc sau 17 năm (lần đầu công bố năm 2007, Việt Nam xếp thứ 87/124), năm 2024 xếp thứ **59/119** nền kinh tế.

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, Du lịch Việt Nam trở thành điểm sáng trong bức tranh kinh tế đất nước sau đại dịch Covid-19, đóng góp thực chất cho phục hồi và tăng trưởng kinh tế với trung bình từ 6 - 8% GDP/năm. Nhiều sản phẩm mới ra đời, thị thực điện tử mở rộng. Trong nhiều năm qua Việt Nam được vinh danh là điểm đến hàng đầu về du lịch ở Châu Á và thế giới. Du lịch ngày nay không chỉ là cầu nối đưa bản sắc Việt Nam vươn ra thế giới, mà còn là hành trình tiếp nhận tinh hoa nhân loại, để văn hóa Việt Nam hội tụ và tỏa sáng trong dòng chảy văn hóa toàn cầu.

5. Báo chí và truyền thông

Báo chí, truyền thông, xuất bản tiếp tục thực hiện tốt chức năng là diễn đàn, tiếng

³ Hướng dẫn tạm thời thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Việt Nam; Chương trình phát động du lịch nội địa thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; Kế hoạch phát triển du lịch số giai đoạn 2021-2025; Chiến lược Marketing du lịch Việt Nam đến năm 2030; Đề án “Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”; Đề án “Một số mô hình phát triển sản phẩm du lịch đêm”; Chiến lược Marketing du lịch Việt Nam đến năm 2030; Đề án Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành du lịch; Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam..

⁴ Năng lực cạnh tranh

⁵ Chỉ số phát triển du lịch

nói của Đảng, Nhà nước và Nhân dân; là lực lượng nòng cốt, tiên phong trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, có những đóng góp xuất sắc trong sự phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; luôn đóng vai trò tiên phong: **“Đi trước mở đường - Đi cùng thực hiện - Đi sau tổng kết”**. Báo chí và xuất bản từng bước trở thành một phần quan trọng của các ngành công nghiệp văn hóa, phát triển ngày càng lành mạnh, chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại.

5.1. Báo chí

Trình Ban Bí thư ban hành Quy định số 101-QĐ/TW ngày 28/02/2023 về *“trách nhiệm, quyền hạn và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo cơ quan báo chí”*; dự kiến dự thảo Luật Báo chí (sửa đổi) sẽ trình và thông qua trong kỳ họp 10 Quốc hội Khóa XV. Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06/4/2023. Ban hành **02** Thông tư. Việc sắp xếp các cơ quan báo chí theo quy hoạch đã cơ bản hoàn thành theo Quyết định số 362/QĐ-TTg đối với các cơ quan báo chí⁶. Năm 2019, cả nước có **195** báo, hiện nay còn **137** báo (giảm **58** cơ quan), báo chuyển thành tạp chí **38** cơ quan, tạp chí chấm dứt hoạt động: **48** cơ quan. Hiện nay, Bộ VH-TT-DL đang tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch báo chí, đặt việc sắp xếp cơ quan báo chí trong tổng thể việc thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương. Từ 01/01/2021 đến nay, Bộ VH-TT-DL (Bộ TTTT): cấp **535** giấy phép hoạt động báo chí (bao gồm: Cấp mới giấy phép hoạt động, cấp lại giấy phép hoạt động và cấp giấy phép thực hiện thêm loại hình điện tử cho cơ quan báo chí); thu hồi **160** giấy phép hoạt động báo chí trong đó có **01** cơ quan tạp chí, thu hồi **01** giấy phép mở chuyên trang; cấp khoảng **21.000** nhà báo được cấp thẻ nhà báo (cả lĩnh vực báo chí in, báo chí điện tử và phát thanh, truyền hình). Từ năm 2021 đến tháng 12/2024, thu hồi thẻ nhà báo của **24** trường hợp, **07** trường hợp do bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, **01** trường hợp do xác định có sử dụng bằng tốt nghiệp đại học không hợp pháp, **16** trường hợp do bị cơ quan tố tụng tiến hành khởi tố bị can. Từ năm 2021 đến năm 2024, Bộ TTTT đã ban hành **50** Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, với tổng số tiền phạt **3.279.400.000** đồng.

5.2. Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Tham mưu trình Chính phủ ban hành **03** Nghị định. Ban hành **02** Thông tư. Công tác chỉ đạo, định hướng thông tin về phát thanh, truyền hình được thực hiện kịp thời hơn, quyết liệt hơn, bám sát hơn với tình hình thực tiễn và có trọng tâm, trọng điểm. Công tác đấu tranh với các tổ chức nước ngoài cung cấp nội dung thông tin qua mạng vào Việt Nam ngày càng đạt được nhiều kết quả⁷. Tình trạng “báo hóa” trang

⁶ Tại 29/29 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 33/33 tổ chức Hội ở Trung ương và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; 31/31 địa phương và 72 cơ quan báo nói, báo hình.

⁷ Từ năm 2021 đến nay, đã tổ chức nhiều đợt đấu tranh cứng rắn, quyết liệt với các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam, điển hình là Facebook, Google, Apple, Tiktok..., buộc các doanh nghiệp này phải nghiêm túc triển khai hợp tác, gỡ bỏ các nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam và có giải pháp ngăn chặn, gỡ bỏ các thông tin xấu độc trên các nền tảng do họ cung cấp, tăng tỷ lệ đáp ứng thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung, ứng dụng vi phạm. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo 35 Trung ương triển

thông tin điện tử, mạng xã hội đã được xử lý cơ bản. Ý thức của người sử dụng mạng xã hội ngày càng được nâng cao, hình thành văn hóa mạng lành mạnh⁸. Lĩnh vực trò chơi điện tử trên mạng trong nước ngày càng phát triển ước đạt doanh thu **600 triệu USD** trong năm 2025. Tăng cường kiểm soát các quảng cáo vi phạm trên các nền tảng xuyên biên giới, điều hướng dòng tiền quảng cáo vào các nền tảng số trong nước: bằng việc triển khai sáng kiến về “White List” nhằm điều hướng dòng tiền quảng cáo từ các nền tảng xuyên biên giới về các nền tảng nội dung số trong nước...

5.3. Thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại

Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành **01** Nghị định, **01** Nghị quyết; **02** Đề án tuyên truyền về TTCS&TTĐN. Ban hành các văn bản hướng dẫn địa phương về công tác TTCS; Ban hành **169** văn bản hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền trên hệ thống TTCS các nội dung về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, những sự kiện, vấn đề quan trọng của đất nước. Tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TW ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về “*Đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới*”; xây dựng Kết luận của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW về “*Đẩy mạnh công tác TTCS trong tình hình mới*”.

Số lượng báo chí đối ngoại và báo chí thực hiện nhiệm vụ TTĐN: tính đến hết năm 2024, có **272** đơn vị, gồm **48** báo; **222** tạp chí; **02** kênh phát thanh, truyền hình đối ngoại; **59** văn phòng thường trú báo chí Việt Nam ở nước ngoài được đặt tại 30 quốc gia và vùng lãnh thổ; **139** phóng viên thường trú của các cơ quan báo chí Việt Nam ở nước ngoài; theo dõi bình quân **300** tin, bài/tuần về Việt Nam trên báo chí nước ngoài và gần **4.000** tin, bài/tuần của 05 cơ quan báo chí đối ngoại Việt Nam. Tổ chức, phối hợp tổ chức và gửi **35** Triển lãm TTĐN nhằm quảng bá hình ảnh Việt Nam trong và ngoài nước, đồng thời thúc đẩy truyền thông về quyền con người. Sản xuất **234** bộ phim/phóng sự tài liệu, phóng sự ngắn, phim về quan hệ ngoại giao, nhân kỷ niệm năm tròn, năm chẵn giữa Việt Nam và các nước trên thế giới để phục vụ công tác TTĐN. Hiện nay, **22/34** tỉnh, thành phố sau sáp nhập có Cổng/trang/chuyên mục TTĐN bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài; **48** cụm thông tin điện tử phục vụ công tác TTĐN, quảng bá hình ảnh quốc gia/tỉnh, thành phố, tại khu vực cửa khẩu quốc tế/quốc gia tuyến biên giới đường bộ được triển khai; **150/433** đồn Biên phòng trên toàn tuyến biên giới đã được đầu tư Hệ thống thiết bị thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, TTĐN. Trên toàn quốc có **49.584** cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông của **3.188** đài truyền thanh cấp xã/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với tần

khai rà quét, đánh giá xu hướng các luồng thông tin được dư luận quan tâm, phát hiện và ngăn chặn kịp thời nguồn thông tin xấu độc (chặn website, yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm), cũng như xử lý nghiêm các đối tượng phát tán tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng... Kết quả ngăn chặn gỡ bỏ thông tin xấu độc trên các nền tảng mạng xã hội lớn Facebook, Google (Youtube), TikTok (hiện nay đạt trên mức trên 92%).

⁸ Thường xuyên chỉ đạo các trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội (thông qua mạng lưới kết nối OTT), các cơ quan báo chí (thông qua giao ban báo chí hàng tuần và thông qua mạng lưới kết nối OTT các cơ quan báo chí) để tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho người sử dụng mạng khi cung cấp, sử dụng thông tin trên không gian mạng. Phát hành cuốn sách “Cẩm nang phòng chống tin giả trên không gian mạng”; Hiện nay, đã có hơn **20** tỉnh/thành phố đã thành lập được Trung tâm/Tổ xử lý tin giả, thông tin xấu độc tại địa phương...

suất 02 lần/ngày. Thiết lập mạng lưới **137.258** tuyên truyền viên cơ sở ở thôn, bản, tổ dân phố.

6. Xuất bản, in và phát hành

Trình Chính phủ ban hành **01** Nghị định; ban hành **06** Thông tư. Các chỉ số năng lực hoạt động của các nhà xuất bản về cơ bản giữ được sự tăng trưởng, đưa tỷ lệ sản xuất sách/người đạt **5,9** bản/người/năm vào năm 2024. Giai đoạn 2021-2026, nhiều xuất bản phẩm có giá trị được xuất bản để phục vụ những sự kiện quan trọng của đất nước. Số lượng nhà xuất bản tham gia xuất bản điện tử trong 5 năm đã tăng lên **31** nhà xuất bản (chiếm **54,3%** trên tổng số nhà xuất bản). Đặc biệt, toàn ngành đã phát triển một số nền tảng dùng chung. Tính đến tháng 5/2025, cả nước có **3.408** cơ sở in, tăng **5%** hàng năm. Số lượng cơ sở in xuất bản phẩm: **1.240** cơ sở, chiếm tỷ lệ **36,4%**; Số lượng cơ sở in các sản phẩm không phải xuất bản phẩm: **2.168** cơ sở, chiếm tỷ lệ **33,6%**. Doanh thu ngành in 2024 đã cán mốc **99.200 tỷ đồng**, tăng **22,5%** so với năm 2016 (**81.019 tỷ đồng**), tăng **8,4%** so với năm 2019 trước dịch covid-19 (**91.487 tỷ đồng**). Lợi nhuận đạt **3.635 tỷ đồng/năm**, nộp NSNN đạt **3.288 tỷ đồng/năm**. So sánh với tỷ lệ tăng trưởng giai đoạn 2016-2020, doanh thu lĩnh vực in tăng trưởng đều hàng năm khoảng **5-7%**, doanh thu lĩnh vực in tăng trưởng đều hàng năm khoảng **5%**. Tô chức thành công (**05** lần) Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam. Ngày sách và Văn hoá đọc Việt Nam 21/4 và Giải thưởng Sách Quốc gia đã trở thành sự kiện văn hoá tiêu biểu tạo động lực phát triển xuất bản và văn hoá đọc cả nước.

Đạt được những kết quả trên là nhờ sự quan tâm sâu sắc, toàn diện của Trung ương Đảng, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư; sự quan tâm đồng hành, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Quốc hội; sự chỉ đạo quyết liệt, sáng suốt, linh hoạt của Đảng ủy Chính phủ, Chính phủ, và trực tiếp là đồng chí Thủ tướng Chính phủ; sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Ban Cán sự Đảng, Ban Thường vụ, Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ; sự đồng thuận, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng những người làm văn hóa, nghệ thuật, thông tin, thể thao và du lịch, và sự hợp tác, ủng hộ của bạn bè quốc tế đã tạo sức mạnh to lớn, cùng đồng tâm, đồng lòng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước.

7. Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn quản lý Nhà nước và hoạt động của Ngành trong giai đoạn 2021 - 2026

Một là, luôn giữ vững nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, bám sát Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để vận dụng sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn, tranh thủ tối đa mọi nguồn lực, chủ động, kịp thời, thích ứng với mọi tình huống để ổn định và phát triển. Thống nhất nhận thức: Phát triển văn hóa theo quan điểm mà Đảng ta đã đề ra luôn hướng tới sự toàn diện và hài hòa, trong đó nhân tố con người nắm giữ vị trí then chốt, đội ngũ văn nghệ sĩ giữ vai trò quan trọng.

Hai là, chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hiệu quả, hiệu lực quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực; trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là

người đứng đầu có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm” vì sự phát triển của đất nước nói chung và của Ngành nói riêng.

Ba là, giữ vững sự đoàn kết, kỷ luật, kỷ cương, trước hết từ trong hệ thống các cấp ủy đảng, chính quyền và đề cao sự gương mẫu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người đứng đầu.

Bốn là, kiên định mục tiêu, thống nhất ý chí, quyết liệt hành động, lựa chọn đúng nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá gắn với tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung nguồn lực để tổ chức thực hiện, đo lường được kết quả, hiệu quả; chống bệnh hình thức, bệnh thành tích, bệnh quan liêu, chủ quan, tự mãn, duy ý chí và các biểu hiện sợ sai, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Chú trọng đổi mới toàn diện tại các cấp ủy đảng, các đơn vị thuộc Bộ về cách thức tiếp cận và tư duy quản lý từ “làm văn hóa” sang “quản lý nhà nước về văn hóa”, từ “Gặp gỡ, giao lưu” sang “Hợp tác đích thực”.

Năm là, giữ mối liên hệ chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, là “đối tác tin cậy trong mọi nhiệm vụ” giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói riêng, Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói chung với các ban, bộ, ngành trung ương, các địa phương; giữa các đơn vị thuộc Bộ với các Sở quản lý nhà nước trong công tác thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển các lĩnh vực của ngành tại các nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

D. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 - 2031

I. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2031

1. Về văn hóa

1.1. Hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người, hệ giá trị gia đình Việt Nam được triển khai thực hiện trên cả nước thông qua các bộ quy tắc ứng xử. **100%** đơn vị hành chính cấp tỉnh ban hành kế hoạch và triển khai hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới, bộ chỉ số về gia đình hạnh phúc, bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình.

1.2. Phân đầu **100%** đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ **3** loại hình thiết chế văn hóa, gồm: Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; bảo đảm vận hành hiệu quả các thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã, thôn. Các mô hình, hoạt động văn hóa cơ sở, phát triển văn hóa đọc được triển khai rộng rãi trên cả nước. Ít nhất **60%** thôn, bản và tương đương có đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa dân gian, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

1.3. Phân đầu ít nhất **95%** di tích quốc gia đặc biệt (khoảng **120** di tích) và khoảng **70%** di tích quốc gia được tu bổ, tôn tạo (khoảng **2.500** di tích); khoảng **70%** số di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được xây dựng đề án, chương trình bảo vệ và phát huy giá trị; **100%** các đơn vị hành chính cấp tỉnh có di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể có dự án, biện pháp tạo lập không gian, công cụ, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất để nghệ nhân, người thực hành có điều kiện thực hành, trình diễn, giới thiệu và trao truyền di

sản văn hóa phi vật thể. Có ít nhất **05** di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh theo các Công ước của UNESCO.

1.4. Phân đầu các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp **7%** GDP của cả nước; Ít nhất **03** mô hình thí điểm khu, tổ hợp công nghiệp văn hóa, sáng tạo được triển khai với hạ tầng cơ sở đồng bộ tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, tỉnh Quảng Ninh.

1.5. Phân đầu **100%** đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng các thành tựu của khoa học, công nghệ. Các bộ cơ sở dữ liệu lớn (big data) về các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, gia đình và di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam được thiết lập, cập nhật thường xuyên, tạo thành tài nguyên dùng chung.

1.6. **90%** văn nghệ sĩ tài năng, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn. Có ít nhất **04** trường đại học trọng điểm và **01** viện nghiên cứu được tập trung đầu tư trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm quốc gia trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

1.7. Văn hóa Việt Nam được quảng bá ra thế giới thông qua các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam và nước ngoài, hoạt động hỗ trợ sáng tạo nghệ thuật, giao lưu văn hóa. Hằng năm, có ít nhất **05** sự kiện quốc tế lớn về văn hóa, nghệ thuật tại nước ngoài có sự tham gia chính thức của Việt Nam.

1.8. **50%** đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện. Có ít nhất **02** đơn vị hành chính cấp tỉnh đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện. Bảo đảm khoảng **85%** các địa phương, cơ quan, đơn vị đạt được các danh hiệu văn hóa trong Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các phong trào thi đua, cuộc vận động về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Kế thừa và phát huy tinh hoa của văn hóa gia đình truyền thống, để xây dựng văn hóa gia đình hiện đại, văn minh.

1.9. **100%** người dân được thông tin, tuyên truyền về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước, tấm gương điển hình, những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Phân đầu **100%** học sinh, học viên, sinh viên trong hệ thống giáo dục quốc dân được tiếp cận, tham gia các hoạt động giáo dục nghệ thuật, giáo dục di sản văn hóa.

1.10. Bảo đảm ít nhất **75%** người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, **80%** các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình của quốc gia và địa phương;

1.11. Hằng năm có từ **10 - 15** công trình nghiên cứu lý luận phê bình văn hóa, nghệ thuật chất lượng được công bố; có **02** tác giả đạt giải thưởng văn học ASEAN và khoảng **20 - 30** tác phẩm, công trình văn hóa, văn học nghệ thuật về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước. Xây dựng Chương trình sáng tác, nghiên cứu về văn hóa - nghệ thuật Việt Nam trong 100 năm (1930 - 2030) dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1.12. Phân đầu tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu **2%** tổng chi ngân sách hằng năm.

2. Về thể dục thể thao

2.1. Phong trào thể dục, thể thao cho mọi người phát triển rộng khắp, trong đó số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên theo tiêu chí quy định đạt trên **45%** dân số; trên **90%** học sinh, sinh viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể; hầu hết đơn vị hành chính cấp xã cho đến địa bàn ở cơ sở (gọi chung là thôn, tổ dân phố) và khu dân cư có câu lạc bộ thể thao cơ sở.

2.2. Thể thao thành tích cao duy trì trong top **3** tại các kỳ SEA Games và trong top **20** tại các kỳ ASIAD; trong đó phần đầu đạt từ **05** đến **07** huy chương vàng tại các kỳ ASIAD, có huy chương tại các kỳ Olympic và Paralympic, bóng đá nam trong top **10** châu Á và bóng đá nữ trong top **8** châu Á.

2.3. Phần lớn hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo vận động viên và tổ chức thi đấu thể thao ở cấp quốc gia được nâng cấp, từng bước hiện đại hóa. Phần đầu **100%** các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có đủ **3** công trình thể thao cơ bản (nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi) và **100%** đơn vị hành chính cấp xã có thiết chế thể thao hoặc văn hóa, thể thao đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định. Hầu hết các thôn, tổ dân phố, khu dân cư, khu đô thị, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế có ít nhất **01** thiết chế thể thao hoặc **01** điểm tập luyện thể dục, thể thao công cộng.

2.4. Số tổ chức hội thể thao quốc gia đạt trên **50** tổ chức với hiệu quả hoạt động được nâng lên rõ rệt.

3. Về du lịch

Du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững. Việt Nam trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, thuộc nhóm **30** quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, đáp ứng đầy đủ yêu cầu và mục tiêu phát triển bền vững.

3.1. Tổng thu từ khách du lịch: Đạt **3.100 - 3.200** nghìn tỷ đồng (tương đương **130 - 135** tỷ USD), tăng trưởng bình quân **11 - 12%/năm**; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt **15 - 17%**.

3.2. Tạo ra khoảng **8,5** triệu việc làm, trong đó có khoảng **3** triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân **8 - 9%/năm**.

3.3. Về khách du lịch: Phần đầu đón được ít nhất **50** triệu lượt khách quốc tế và **160** triệu lượt khách nội địa; duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ **8 - 10%/năm** và khách nội địa từ **5 - 6%/năm**.

4. Báo chí và truyền thông

4.1. **100%** cơ quan báo chí đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước).

4.2. **90%** cơ quan báo chí sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

4.3. **100%** cơ quan báo chí hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ và các mô hình phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới, sản

xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số.

4.4. Các cơ quan báo chí tối ưu hóa nguồn thu, trong đó **50%** cơ quan báo chí tăng doanh thu tối thiểu **20%**.

4.5. Phân đầu **100%** các Đài phát thanh, truyền hình đưa nội dung lên nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước); các kênh phát thanh, truyền hình thông tin truyền truyền thiết yếu của quốc gia đảm bảo phát sóng **24 giờ/ngày**.

4.6. Tăng thời lượng phát sóng các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia, địa phương lên **24 giờ/ngày**.

4.7. Bảo đảm thời lượng phát sóng chương trình sản xuất trong nước của kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu quốc gia và địa phương đạt tỷ lệ tối thiểu từ **70%** tổng thời lượng phát sóng trong **01** ngày của từng kênh chương trình (trong đó, thời lượng chương trình tự sản xuất mới đạt tối thiểu **30%** thời lượng các chương trình sản xuất trong nước); việc khai thác các nội dung từ kênh chương trình nước ngoài tập trung vào tin thời sự quốc tế, khoa học, kỹ thuật, thể thao giải trí và không vượt quá **30%** tổng thời lượng phát sóng trong **01** ngày của kênh đó.

4.8. Tăng doanh thu của các đài phát thanh, truyền hình lên **15.000** tỷ đồng. Tỷ lệ kênh thiết yếu phát thanh, truyền hình trên mạng Internet **100%**; Tăng thuê bao truyền hình trả tiền từ lên **30** triệu người dùng. Tăng doanh thu truyền hình trả tiền đạt khoảng **25.000** tỷ đồng (**01** tỷ USD). Tăng tỷ lệ đài hoạt động theo mô hình đa phương tiện, phân phối đa nền tảng (đạt tỷ lệ **100%**).

4.9. Đấu tranh, ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin xấu độc trên các nền tảng xuyên biên giới đạt từ **90%** trở lên; Tăng số lượng tài khoản người dùng mạng xã hội Việt Nam đạt **140** triệu tài khoản. Tăng doanh thu ngành công nghiệp trò chơi điện tử trong nước đạt **1** tỷ USD; tỷ lệ trò chơi điện tử sản xuất trong nước chiếm **25%**.

4.10. **100%** xã, phường, đặc khu có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông hoạt động đến thôn, bản, tổ dân phố. **100%** phường và trên **70%** xã, đặc khu có bảng tin điện tử công cộng để phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân. **100%** thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông. **100%** Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở kết nối thông suốt tới các cụm thu phát thanh, bảng tin điện tử công cộng trên địa bàn để quản lý tập trung và cung cấp thông tin thiết yếu cho hoạt động thông tin cơ sở của tỉnh, thành phố, góp phần đổi mới phương thức quản lý hoạt động thông tin cơ sở theo hướng liên thông đồng bộ từ Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện đến cơ sở trên nền tảng số. **70%** xã, phường, đặc khu có bảng tin điện tử công cộng cỡ lớn (màn hình LED, màn hình LCD) được kết nối với Hệ thống thông tin nguồn tỉnh, thành phố. **100%** ý kiến phản ánh của người dân về hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật ở cơ sở được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin nguồn trung ương và Hệ thống thông tin nguồn tỉnh, thành phố. **100%** cán bộ làm công tác TTCS cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng

trực tuyến về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm. **100%** các thông tin sai lệch nắm bắt được về mọi lĩnh vực của Việt Nam được xử lý yêu cầu phát ngôn, cung cấp thông tin giải thích, làm rõ kịp thời. **100%** các địa phương được cung cấp thông tin chỉ đạo định hướng, tài liệu phục vụ công tác TTĐN bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài, ngôn ngữ của các quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam và tiếng dân tộc. **100%** các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tổ chức các sự kiện truyền thông để công chúng tiếp cận với thành tựu đảm bảo quyền con người ở Việt Nam. **100%** cơ quan báo chí đối ngoại quốc gia phát hành, phát sóng sản phẩm báo chí ra nước ngoài bằng nhiều phương thức khác nhau phục vụ bạn bè quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

5. Xuất bản, in và phát hành

5.1. **100%** các vấn đề mới phát sinh trong hoạt động xuất bản, in, phát hành, đặc biệt là xuất bản, phát hành điện tử và các loại hình xuất bản phẩm mới được điều chỉnh bởi văn bản QPPL kịp thời và hiệu quả. **100%** các văn bản QPPL sau khi ban hành được công khai, minh bạch, dễ tiếp cận. **100%** cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật chuyên ngành được đào tạo bồi dưỡng về kiến thức pháp luật, kỹ năng xây dựng văn bản QPPL.

5.2. Tổng số sách xuất bản hằng năm đạt khoảng **600** triệu bản, tỷ lệ bản sách/người đạt **6-6,5** bản sách/người; doanh thu toàn ngành đạt khoảng **5.000** tỷ đồng. Nâng doanh thu từ kinh doanh sách điện tử lên **10%** doanh thu tổng doanh thu của Ngành; có ít nhất **02** sản phẩm thương mại điện tử uy tín, thu hút trên **50%** đơn vị xuất bản.

5.3. Doanh thu toàn ngành đạt trên **100** ngàn tỷ đồng, tạo nền tảng vững chắc để khu vực tư nhân đạt tốc độ tăng trưởng đạt **02** con số theo mục tiêu mà Chính phủ đã đặt ra. Thị trường in đạt Top **3** khu vực Asean với doanh thu đạt 5 tỷ USD.

5.4. Doanh thu lĩnh vực phát hành phần đầu đạt khoảng **10.000** tỷ đồng. Xuất bản phẩm xuất khẩu đạt **1,5** triệu bản. Kim ngạch xuất khẩu xuất bản phẩm đạt khoảng **5,5** triệu USD.

5.5. Hàng năm: tuyển chọn từ **02** đến **03** đầu sách hay của Việt Nam dịch và xuất bản ra các ngôn ngữ phổ biến như: tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha nhằm giới thiệu sách Việt Nam với các đối tác nước ngoài và tiến tới trao đổi, giao dịch bản quyền.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Nhiệm vụ chung

- Đổi mới tư duy lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tăng cường nhận thức, hành động phát triển VHTTDL. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò của Ngành. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của Ngành với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH của từng ngành và từng cấp.

- Tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả Nghị quyết Đại hội

đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng trên các lĩnh vực của Ngành. Rà soát bổ sung, điều chỉnh, hệ thống, đồng bộ hóa các chính sách của ngành với triển khai bốn đột phá: Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết 59-NQ/TW; Nghị quyết số 66-NQ/TW; Nghị quyết số 68-NQ/TW.

- Triển khai nhiệm vụ với tinh thần chủ động, nghiêm túc, quyết liệt, linh hoạt theo phương châm 6 rõ: “*Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ phân cấp và rõ kết quả*”. Cải thiện năng lực quản lý nhà nước của các Cục/Vụ gắn với chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và đảm bảo sự đoàn kết, ổn định trong cơ quan, đơn vị theo đúng phương châm của Bộ đề ra từ đầu nhiệm kỳ ***Quyết liệt hành động, khát vọng cống hiến***. Theo dõi chặt chẽ, nắm chắc những diễn biến mới, phản ứng chính sách chính xác, quyết liệt, kịp thời, linh hoạt, bám sát thực tiễn, hiệu quả. Thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, nghiên cứu, đổi mới công tác đánh giá, xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể đối với từng chức danh, kết quả thực hiện nhiệm vụ cần được lượng hóa bằng sản phẩm, nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đánh giá cán bộ thuộc quyền quản lý.

- Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật của Ngành theo hướng đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, tương thích với pháp luật liên quan, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội; phát hiện kịp thời các “*điểm nghẽn*”, “*nút thắt*” cản trở sự phát triển và các khoảng trống pháp lý của Ngành để tham mưu, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi, phê duyệt theo hướng “*kiến tạo*”, “*khơi thông nguồn lực*”, “*chuyển hóa các giá trị tài sản văn hóa thành nguồn lực, động lực cho sự phát triển*”; quyết tâm đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo chỉ đạo của của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các Luật, văn bản quy phạm pháp luật, các chế độ, chính sách, hoàn thiện thêm một bước hệ thống chính sách, pháp luật, đảm bảo cho các hoạt động của Ngành phát triển mạnh mẽ, đồng bộ, phát huy hiệu quả xã hội. Trọng tâm cải cách thể chế văn hóa theo hướng thích ứng với vai trò kiến tạo phát triển văn hóa, xây dựng con người, tôn trọng quy luật, thị trường văn hóa, tôn trọng chủ thể văn hóa, tạo sức mạnh tổng hợp, hệ sinh thái văn hóa, văn hóa số.

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW, tăng cường phân cấp, phân quyền; từng bước chuyên từ quản lý, sang quản trị; gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Ngành có phẩm chất, năng lực, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài nhằm tạo nguồn cán bộ từ cấp phòng đến cấp chiến lược. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cần thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, có đối tượng cụ thể. Tập trung đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch, cán bộ trẻ, cán bộ có chuyên môn, có năng lực, có uy tín, có triển vọng phát triển góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đồng thời phát hiện và bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ. Như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nói “*Phải có tầm nhìn xa trong công tác cán bộ, bảo đảm sự kế thừa, tiếp bước vững vàng giữa các thế hệ*”.

1.2. Về văn hóa, gia đình

- Tập trung xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động của Chính phủ, của Bộ thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận 76-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW; Kết luận số 84-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới".

- Tiếp tục triển khai thực hiện: Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035; các nhiệm vụ được giao tại Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (giai đoạn II từ năm 2026 đến 2030) và Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030. Tiếp tục phối hợp, hướng dẫn các tỉnh/thành xây dựng và hoàn thiện các hồ sơ khoa học đề nghị UNESCO công nhận, ghi danh di sản văn hóa tại các Danh sách của UNESCO...

- Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới; ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội.

- Kiên trì kiến tạo xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, là tiền đề vững chắc để xây dựng con người Việt Nam thấm nhuần tinh thần “*tự tin, tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc*”. Tập trung ưu tiên xây dựng văn hóa trong từng gia đình, cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, văn hóa doanh nghiệp. Khắc phục sự chênh lệch hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, đặc biệt quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, các khu công nghiệp...

- Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống, văn hóa, văn nghệ dân gian. Bảo tồn, phục dựng, tổ chức lễ hội truyền thống, ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật, hoạt động thi đấu thể thao truyền thống của địa phương, hướng tới khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.

- Tăng cường quản lý nhà nước gắn liền với việc thực hiện các giải pháp khuyến khích sáng tác, phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật; nâng cao giá trị tư tưởng và vai trò của văn hóa, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam, nhất là trong thế hệ trẻ.

- Tập trung rà soát đề xuất hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, cơ chế, chính sách tạo cơ sở pháp lý để hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa; tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công

nghiệp văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ - kỹ thuật số trong các ngành công nghiệp văn hóa.

1.3. Về thể dục, thể thao

- Tổng kết việc thực hiện Luật Thể dục, thể thao và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thể dục, thể thao. Tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới, Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch phát triển TDTT đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đề án Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035...

- Đổi mới hình thức phát động, nội dung các phong trào, cuộc vận động về TDTT, tạo thành phong trào xã hội rộng khắp, thu hút nhiều người dân tham gia tập luyện. Phát triển số lượng sân bãi, điểm tập, CLB và các hình thức tập luyện TDTT trong cộng đồng.

- Tập trung quy hoạch, phân nhóm các môn thể thao; đầu tư trọng tâm, trọng điểm và phát huy nguồn lực xã hội trong công tác đào tạo lực lượng vận động viên trọng điểm hướng tới cải thiện thành tích của Thể thao Việt Nam tại các kỳ ASIAD, Olympic, nhất là ASIAD 20 năm 2026 tại Nagoya, Nhật Bản, Olympic 2028 và các kỳ SEA Games...

1.4. Về du lịch

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế theo phương châm “kiến tạo phát triển” sửa đổi, bổ sung Luật Du lịch và các văn bản pháp lý tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động và thuận lợi cho công tác quản lý. Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 82/NQ-CP và Chỉ thị số 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đổi mới, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; triển khai các chương trình kích cầu du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm du lịch; Phối hợp với các địa phương, đối tác và doanh nghiệp xây dựng, triển khai các chương trình kích cầu du lịch, liên kết hình thành với các gói sản phẩm du lịch trọn gói hấp dẫn, chất lượng, có giá thành cạnh tranh, môi trường du lịch an toàn, thân thiện, văn minh, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách du lịch. Tăng cường công tác quản lý điểm đến tạo dựng môi trường du lịch văn hóa, văn minh, thân thiện, mến khách.

- Đổi mới các phương thức xúc tiến, quảng bá du lịch theo các thị trường mục tiêu, trọng điểm. Xây dựng, thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, quảng bá du lịch tại các thị trường nguồn trọng điểm của du lịch Việt Nam. Làm mới các sản phẩm du lịch đã có, đồng thời phát triển các sản phẩm du lịch mới, chú trọng yếu tố văn hóa trong sản phẩm du lịch để tạo sự hấp dẫn, đặc sắc, riêng có, có sức

cạnh tranh cao. Khẩn trương hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh gắn với chuyển đổi số toàn diện. Tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số. Hoàn thiện hệ sinh thái du lịch thông minh gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn.

1.5. Báo chí và truyền thông

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế báo chí nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới. Thúc đẩy chuyển đổi số báo chí, xây dựng nền báo chí chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại. Phát triển nguồn nhân lực báo chí chất lượng cao. Đổi mới mô hình tổ chức, quản trị và tài chính cơ quan báo chí. Nâng cao năng lực quản lý trong công tác định hướng thông tin. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác báo chí. Duy trì tỷ lệ chặn gỡ nội dung xấu độc trên các nền tảng xuyên biên giới ở mức cao (>92%); gỡ nhiều tài khoản, trang, kênh, nhóm vi phạm hơn; Quản lý chặt chẽ và buộc các nền tảng xuyên biên giới phải tuân thủ pháp luật Việt Nam;

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 15/4/2024 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ đến năm 2030 thực hiện Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động thông tin đối ngoại, tập trung giới thiệu, lan tỏa mạnh mẽ đến cộng đồng quốc tế về lịch sử, truyền thống, hình ảnh đất nước, con người, văn hóa, thành tựu của công cuộc đổi mới, các giá trị, tư tưởng cao đẹp của dân tộc Việt Nam. Tiếp tục tổ chức nắm bắt kịp thời dư luận trong nước và quốc tế về Việt Nam trên các lĩnh vực để có các điều chỉnh kịp thời trong công tác chỉ đạo, định hướng về thông tin đối ngoại.

1.6. Xuất bản, in và phát hành

Hoàn thiện hệ thống pháp luật (xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản và các văn bản hướng dẫn thi hành). Rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách đồng bộ, thống nhất để quản lý hoạt động xuất bản. Tổ chức xuất bản nhiều đầu sách, bộ sách giá trị, có sức lan tỏa, đóng góp vào thực hiện xã hội học tập. Tăng số lượng các nhà xuất bản và các đơn vị phát hành tham gia xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử; đẩy mạnh liên kết giữa nhà xuất bản với các đơn vị phát hành mạnh, hình thành chuỗi liên kết đủ năng lực dẫn dắt thị trường. Triển khai Chương trình sách đặt hàng và các Chương trình khác bằng nguồn ngân sách nhà nước kết hợp với xã hội hóa. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, triển lãm, hội chợ sách, tiếp tục nâng cao chất lượng Giải thưởng Sách Quốc gia, Ngày Sách và Văn hoá đọc Việt Nam tạo sức lan tỏa, trở thành sự kiện văn hoá tiêu biểu. Tăng cường năng lực quản trị, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh của các doanh nghiệp in.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tiếp tục nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm về phát triển VHTTDL trong kỷ nguyên mới

Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm, có hiệu quả các quy

định của pháp luật, các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về các lĩnh vực hoạt động của Ngành. Phát huy năng lực, trách nhiệm người đứng đầu ở từng cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương trong phát triển Ngành. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nỗ lực cùng toàn Ngành khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng cống hiến, khát khao sáng tạo của mọi người dân, đặc biệt là giới trẻ; gắn bó mật thiết với địa phương, cơ sở xuất phát từ thực tế sinh động, lấy người dân làm trung tâm, hiệu quả thực tiễn làm thước đo cho hoạt động của toàn Ngành.

2.2 Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách - nguồn lực của sự phát triển của Ngành

Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương của Đảng về VHTTDL, tăng cường phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương, nhằm khơi thông mọi nguồn lực để địa phương xây dựng và phát triển các lĩnh vực của Ngành; ưu tiên thể chế hóa hoạt động VHTTDL trên môi trường số, trong mối tương quan với phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Rà soát, thể chế hóa, đồng bộ hóa, tương thích hóa chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật chuyên Ngành, nhất là các quy hoạch, chiến lược, chương trình lớn của Ngành, hệ thống các Luật liên quan với tư duy mới, phù hợp với thực tiễn. Có cơ chế, chính sách đặc thù trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng tài năng văn hóa nghệ thuật gắn với trọng dụng và phát huy tài năng trong sáng tạo nghệ thuật, giải phóng sức sáng tạo về văn hóa trong không gian số, môi trường số, xã hội số, kinh tế số.

2.3. Thực hiện tinh gọn bộ máy gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của toàn Ngành

Hoàn thiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, ổn định hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả ngay, không làm gián đoạn công việc và các hoạt động bình thường khác. Nâng cao năng lực quản lý, quản trị ngành theo hướng thông minh, gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề cao trách nhiệm, năng lực người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ. Gắn đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực VHTTDL đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; có chính sách giữ chân người tài; khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và có chế tài xử lý những cán bộ né tránh, sợ trách nhiệm; chú trọng và có chính sách mạnh mẽ để thu hút tài năng nghệ thuật, thể thao, nhân lực sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, truyền thông.

2.4. Tập trung xây dựng hạ tầng, chuyển đổi số tạo nền tảng đột phá phát triển của Ngành trong kỷ nguyên mới

Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, các Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, xuất bản hình thành hệ thống hạ tầng của Ngành đồng bộ từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là cấp cơ sở và các công trình tầm vóc quốc gia, dấu ấn kỷ nguyên mới. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy hợp tác công tư trong lĩnh vực VHTTDL... tập trung việc phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách có hiệu quả trên tinh thần tiết kiệm và đầu tư có trọng tâm,

trọng điểm. Thiết kế chính sách, xây dựng pháp luật, tạo hành lang pháp lý, không gian phát triển theo hướng kiến tạo với một số lĩnh vực mang tính động lực, nguồn lực của phát triển VHTTDL như hỗ trợ thúc đẩy sáng tạo nội dung số, hình thành và khai thác có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về văn hóa kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật khai thác, phát huy tài sản văn hóa đặc thù, tài sản văn hóa số; hình thành các không gian, sáng tạo nội dung số, môi trường sáng tạo cho cộng đồng các doanh nghiệp.

Tám mươi năm xây dựng và phát triển của Ngành Văn hóa - tuy chưa dài so với bề dày hàng ngàn năm truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc - nhưng đã ghi dấu một bước tiến vượt bậc, toàn diện và thành công nhất trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Một chặng đường mới đang rộng mở. Mùa thu mới mang theo niềm tin, hy vọng và khát vọng vươn lên, thôi thúc những người làm công tác văn hóa trên cả nước tiếp tục sáng tạo, đổi mới và cống hiến không ngừng. Hơn lúc nào hết, chúng ta cần phát huy tinh thần đoàn kết, tự tin đổi mới tư duy và hành động quyết liệt và khát vọng cống hiến phải lớn lao hơn nữa. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể tạo nên những dòng nước trong lành, bồi đắp cho sức mạnh nội sinh của dân tộc - để văn hóa Việt Nam mãi trường tồn với thời gian, và ngày càng phát triển rực rỡ trong kỷ nguyên mới.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH